|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  Số: /2020/TT- BKHĐT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm* |

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn xây dựng khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái**

*Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý các khu kinh tế;*

*Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư xây dựng khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết việc xây dựng khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái quy định tại các Điều 40, 41, 42, 43, 44 và một số điều khoản liên quan khác của Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế (sau đây gọi là Nghị định số 82/2018/NĐ-CP).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng và phát triển khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái.

**Điều 3. Bên thứ ba hỗ trợ thực hiện cộng sinh công nghiệp**

1. Bên thứ ba quy định tại khoản 3 Điều 41 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP bao gồm các doanh nghiệp, tổ chức có chức năng và đáp ứng các điều kiện để cung cấp cơ sở hạ tầng hoặc dịch vụ hỗ trợ xây dựng và triển khai cộng sinh công nghiệp.

2. Các bên tham gia cộng sinh công nghiệp tự thỏa thuận hình thức hợp tác, chia sẻ chi phí, lợi nhuận.

3. Trường hợp hoạt động hợp tác có liên quan đến việc sử dụng, xây dựng mới hoặc nâng cấp hạ tầng dùng chung hoặc điều chỉnh quy hoạch xây dựng của khu công nghiệp, các bên tham gia cộng sinh công nghiệp lấy ý kiến thống nhất của nhà đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp.

**Điều 4. Hệ thống cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên trong khu công nghiệp**

1. Hệ thống cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên trong khu công nghiệp quy định tại khoản 6 Điều 41 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP là tập hợp các dữ liệu, nền tảng hỗ trợ thực hiện hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn, kết nối cộng sinh công nghiệp, bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên ở cấp địa phương do Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế thu thập, xây dựng, quản lý, vận hành để phục vụ việc đăng ký chứng nhận, theo dõi, giám sát và xếp hạng khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái và thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm m khoản 2 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP.

b) Cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên ở cấp doanh nghiệp, tổ chức do nhà đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp, doanh nghiệp khu công nghiệp và tổ chức có liên quan thu thập, xây dựng, quản lý, vận hành để phục vụ việc thực hiện sử dụng hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn và kết nối cộng sinh công nghiệp.

2. Các cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này được tích hợp vào cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên trong hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp và khu kinh tế do Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và quản lý.

**Chương II**

**TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI**

**Điều 5. Xác nhận doanh nghiệp có nhận thức và áp dụng các giải pháp về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn**

1. Giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn trong khu công nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP gồm:

a) Các giải pháp giảm chất thải tại nguồn: quản lý nội vi và kiểm soát quy trình sản xuất của doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa việc sử dụng nguyên liệu và giảm thiểu chất thải trong sản xuất; thay đổi nguyên liệu nhằm đạt được hiệu quả kinh tế và môi trường; cải tiến, thay thế thiết bị, dây chuyền, công nghệ để giảm tổn thất và nâng cao hiệu quả sản xuất.

b) Các giải pháp tuần hoàn: thu gom và tái sử dụng chất thải, phế liệu trong nội bộ doanh nghiệp; thu gom và xử lý các chất thải, phế liệu để tạo ra sản phẩm mới trong nội bộ doanh nghiệp hoặc trao đổi, kinh doanh với các cơ sở sản xuất khác.

c) Các giải pháp thay đổi sản phẩm: cải thiện chất lượng sản phẩm để giảm tác động đến môi trường thông qua đổi mới sản phẩm, cải tiến bao bì, thiết kế của sản phẩm.

2. Việc xác nhận doanh nghiệp có nhận thức và áp dụng các giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP do cơ quan hoặc đơn vị có chuyên môn về đào tạo, đánh giá sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn thực hiện.

3. Các giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn được xác nhận cần thể hiện hiệu quả môi trường, kinh tế, xã hội trước và sau khi áp dụng, thực hiện báo cáo tiến độ thực hiện hàng năm và đánh giá lại trong thời gian nhất định không quá 03 năm.

**Điều 6. Đất khu công nghiệp dành cho các hạ tầng dịch vụ dùng chung**

Diện tích đất khu công nghiệp dành cho các hạ tầng dịch vụ dùng chung quy định tại khoản 4 Điều 42 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP bao gồm diện tích đất dành cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật và diện tích đất dành cho hệ thống hạ tầng xã hội dùng chung của khu công nghiệp theo quy chuẩn xây dựng và quy hoạch xây dựng khu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 7. Liên kết cộng sinh và kế hoạch tham gia liên kết cộng sinh**

1. Liên kết cộng sinh công nghiệp quy định tại khoản 5 Điều 42 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP bao gồm các mạng lưới hợp tác:

a) Trao đổi các yếu tố đầu vào, đầu ra phục vụ sản xuất (nguyên vật liệu, nước, năng lượng, chất thải, phế liệu,…) giữa các doanh nghiệp trong cùng khu công nghiệp hoặc các khu công nghiệp khác nhau;

b) Sử dụng chung hạ tầng phục vụ sản xuất trong khu công nghiệp do các bên thực hiện cộng sinh công nghiệp hoặc bên thứ ba cung cấp (không bao gồm hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội dùng chung của khu công nghiệp do nhà đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp cung cấp);

c) Sử dụng dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất trong khu công nghiệp do các bên thực hiện cộng sinh công nghiệp hoặc bên thứ ba cung cấp.

2. Liên kết cộng sinh công nghiệp giữa các bên trong khu công nghiệp được thể hiện thông qua văn bản liên kết hợp tác, hợp đồng, thỏa thuận để thực hiện hoạt động cộng sinh công nghiệp.

3. Kế hoạch tham gia liên kết cộng sinh công nghiệp quy định tại khoản 5 Điều 42 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP được thể hiện thông qua văn bản của đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp, trong đó mô tả rõ mạng lưới cộng sinh dự kiến tham gia, dự kiến hiệu quả môi trường, kinh tế, xã hội thu được, tiến độ và phương án thực hiện.

**Chương III**

**CHỨNG NHẬN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI VÀ DOANH NGHIỆP SINH THÁI**

**Điều 8. Biểu mẫu đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái và đăng ký chứng nhận doanh nghiệp sinh thái**

1. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu sau đây:

a) Biểu mẫu thực hiện thủ tục chứng nhận khu công nghiệp sinh thái áp dụng đối với nhà đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp quy định tại Phụ lục I;

b) Biểu mẫu thực hiện thủ tục chứng nhận doanh nghiệp sinh thái áp dụng đối với doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp quy định tại Phụ lục II.

2. Biểu mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái được áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

**Điều 9. Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái và doanh nghiệp sinh thái**

1. Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái và doanh nghiệp sinh thái theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái và Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái có thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp. Trong thời hạn này, trường hợp không đáp ứng được các tiêu chí khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái, nhà đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền thu hồi hoặc chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái.

**Điều 10. Lấy ý kiến về doanh nghiệp sinh thái**

Các cơ quan được lấy ý kiến để xem xét, chứng nhận doanh nghiệp sinh thái quy định tại khoản 7 Điều 44 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP bao gồm các Sở: Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng và một số cơ quan liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp cần thiết, Ban Quản lý các khu công nghiệp tham khảo thêm ý kiến của các Bộ ngành liên quan về khu công nghiệp sinh thái.

**Điều 11.** **Giám sát việc thực hiện khu công nghiệp sinh thái và doanh nghiệp sinh thái**

1. Định kỳ hàng năm, nhà đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp sinh thái lập báo cáo tình hình thực hiện khu công nghiệp sinh thái gửi Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế để theo dõi, giám sát, trong đó có các nội dung:

a) Tình hình thực hiện và duy trì hoạt động sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn của doanh nghiệp trong khu công nghiệp và hiệu quả thu được.

b) Tình hình thực hiện liên kết cộng sinh công nghiệp, hiệu quả thu được và các doanh nghiệp mới tham gia vào các liên kết cộng sinh (nếu có).

2. Định kỳ hàng năm, doanh nghiệp sinh thái lập báo cáo tình hình thực hiện thực hiện và duy trì hoạt động sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn; tình hình thực hiện liên kết cộng sinh công nghiệp gửi nhà đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp và Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế để theo dõi, giám sát.

2. Kết quả theo dõi, giám sát thực hiện khu công nghiệp sinh thái và doanh nghiệp sinh thái là cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế xem xét cấp lại, thu hồi hoặc chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái.

**Điều 12. Chứng nhận lại khu công nghiệp sinh thái và doanh nghiệp sinh thái**

1. Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái được cấp lại sau 03 năm nếu khu công nghiệp và doanh nghiệp tiếp tục đáp ứng điều kiện về sử dụng hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn và cộng sinh công nghiệp theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chứng nhận lại khu công nghiệp sinh thái trên cơ sở báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện khu công nghiệp sinh thái hàng năm và việc đáp ứng các điều kiện về hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn, cộng sinh công nghiệp.

3. Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế thực hiện chứng nhận lại doanh nghiệp sinh thái trên cơ sở báo cáo giám sát, đánh giá doanh nghiệp sinh thái hàng năm và việc đáp ứng các điều kiện về hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn, cộng sinh công nghiệp.

4. Biểu mẫu và quy trình chứng nhận lại tương tự như biểu mẫu và quy trình chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái.

**Điều 13. Xếp hạng khu công nghiệp sinh thái**

Khu công nghiệp sinh thái có thể được xếp hạng trên cơ sở hiệu quả đạt được về kinh tế, xã hội, môi trường và được đánh giá thông qua bộ tiêu chí xếp hạng khu công nghiệp sinh thái do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành.

**Điều 14. Chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái**

1. Cơ quan có thẩm quyền chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái trong trường hợp:

a) Khu công nghiệp, doanh nghiệp khu công nghiệp vi phạm quy định của pháp luật đối với khu công nghiệp và doanh nghiệp trong khu công nghiệp trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái.

b) Khu công nghiệp, doanh nghiệp khu công nghiệp không đáp ứng tiêu chí về khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái trên cơ sở ý kiến theo dõi, giám sát của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế.

c) Nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái đề nghị bằng văn bản về việc chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái thông báo bằng văn bản tới nhà đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp, doanh nghiệp đã được chứng nhận về việc chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái theo quy định tại khoản 1 Điều này.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 15. Tổ chức thực hiện**

Ban Quản lý các khu công nghiệp khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Hàng năm, rà soát, đánh giá khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về khu công nghiệp sinh thái;

b) Kịp thời cập nhật các quy định liên quan đến khu công nghiệp sinh thái theo các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư, đất đai, thương mại, xây dựng, lao động, môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật khác để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ ngành liên quan, Chính phủ sửa đổi, bổ sung các văn bản có liên quan đến khu công nghiệp sinh thái.

**Điều 16. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm .

2. Trong quá trình triển khai, nếu có vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - HĐND, UBND các tỉnh,  thành phố trực thuộc Trung ương;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chính phủ;  - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;  - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;  - Website của Chính phủ;  - Công báo VPCP;  - Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;  - Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Bộ trưởng, các Thứ trưởng; các Vụ: PC, KHGDTN&MT;  - Các Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế;  - Lưu: VT, QLKKT (03 b).Hv. | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Chí Dũng** |